

Bản án số 261/2020/DS-PT

Ngày 22 -7- 2020

V/v tranh chấp tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu, hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số:
182/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 03 năm 2020 về “Tranh chấp yêu cầu tuyên
bố văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất, tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019
của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 905/2020/QĐ- PT
ngày 28 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2020/QĐ- PT
ngày 19 tháng 6 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:
1339/2020/QĐ- PT ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Văn B, sinh năm: 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, theo văn bản
ủy quyền ngày 21/12/2016 (có mặt).

2. Bị đơn: Văn phòng Công chứng P(tên cũ Văn phòng Công chứng M).

Địa chỉ trụ sở: Số 264, Quốc lộ 62, Phường 2, thành phố T1, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông P, Trưởng văn phòng (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Lý Thị M1, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

3.2 Bà Lý Thị P1, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp V1, xã Vĩnh Đại, huyện T, tỉnh Long An.

3.3 Ông Lý Trung H, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Số 378, ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

3.4 Bà Lý Thị Mỹ L, sinh năm 1940 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V2, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

3.5 Ông Lý Văn T2, sinh năm 1951 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 585, ấp V2, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

3.6 Ông Lý Văn T3, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2019 (có mặt).

3.7 Bà Lý Thị P2, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

3.8 Ông Lý Văn T4, sinh năm 1942 (vắng mặt);

3.9 Ông Lý Hoàng L1, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của ông L1, ông T4: Bà Lý Thị Kim L2 (tên gọi khác: Thủy), sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 12 năm 2018 và ngày 27 tháng 11 năm 2018).

3.10 Bà Dương Thị L3, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

3.11 Bà Lý Thị Ngọc Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M2, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.12 Bà Lý Thị Bích H2, sinh năm 1984 (vắng mặt);

3.13 Bà Lý Thị Mai T5, sinh năm 1982 (vắng mặt);

3.14 Ông Lý Minh Đ1, sinh năm 1987 (vắng mặt);

3.15 Bà Lý Thị Bé T6, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bà L3, bà Đ, bà H2, bà T5, ông Đ1, bà T6: Ông

Lý Trung H, sinh năm 1980 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

(Được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 15 tháng 3 năm 2018 và ngày 31 tháng 5 năm 2018).

3.16 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4(vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số 137, Quốc lộ 1A, Phường 4, thành phố T1, tỉnh Long An.

3.17 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L4(vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số 137, Quốc lộ 1A, Phường 4, thành phố T1, tỉnh Long An.

Người đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L4: Ông Nguyễn Hữu G(vắng mặt).

(Được ủy quyền theo văn bản ủy số 248/VPĐKĐĐ và văn bản số 1475/STNMT-VPĐKĐĐ cùng ngày 25 tháng 5 năm 2017).

3.18 Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số 01, đường T7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Văn N, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (vắng mặt).

(Được ủy quyền theo văn bản số 773/UBND-NC- ngày 24 tháng 7 năm 2019).

- Người kháng cáo: Ông Lý Văn B là nguyên đơn và ông Lý Văn T3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21 tháng 02 năm 2017 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lý Văn B trình bày:

Ông là con ruột của ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2. Ông N1 chết ngày 29 tháng 7 năm 2015, còn bà Đ2 chết vào ngày 04 tháng 8 năm 2015. Ông N1bà Đ2 có tất cả 08 người con gồm Lý Thị Mỹ L, Lý Văn T2, Lý Văn T3, Lý Văn B, Lý Thị M1, Lý Thị P1, Lý Thị P2 và Lý Văn D1nhưng ông D1 đã chết vào năm 2007, ông D1có vợ là Dương Thị L3 và 06 người con gồm: Lý Thị Ngọc Đ, Lý Thị Bích H2, Lý Thị Mai T5, Lý Minh Đ1, Lý Thị Bé T6 và Lý Trung H.

Toàn bộ quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 17, 14, 15, 49, 52 cùng tờ bản đồ số 17 với tổng diện tích là 78.374m² tọa lạc tại xã V1, huyện T, tỉnh Long An là của chung hộ gia đình ông. Cha ông là ông Lý Văn N1đã đại diện cho hộ đứng ra kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 208082 ngày 24 tháng 10 năm 1996 và ông là người trực tiếp đầu tư cải tạo đất và quản lý canh tác từ trước năm 1996 cho đến nay cũng như là người đóng thuế cho nhà nước.

Do thiếu hiểu biết về pháp luật và chịu sự tác động của các con là Lý Thị M1, Lý Thị P1 cùng cháu nội là Lý Trung³ H nên ngày 13 tháng 5 năm 2015,

Ông N1 bà Đ2 đến Văn phòng Công chứng M lập di chúc số công chứng 645, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD để thừa kế về quyền sử dụng đất thửa đất số 49, diện tích 34.156m² cho con gái là bà Lý Thị M1; thửa đất số 14, diện tích 12.523m², thửa đất số 17, diện tích 16.891m² cho con gái là Lý Thị P1; thửa đất số 15, diện tích 14.804m² cho cháu nội là Lý Trung H. Tuy nhiên đến ngày 21 tháng 5 năm 2015 Ông N1 đã lập văn bản hủy bỏ di chúc ngày 13 tháng 5 năm 2015 với lý do là các phần diện tích đất này là của hộ gia đình và chính ông là người trực tiếp đầu tư và quản lý canh tác liên tục ổn định. Khi cha ông lập văn bản hủy di chúc có mời người viết hộ là ông Lý Văn T8 và hai người làm chứng là bà Lý Thị P2 và bà Phan Thị L5, đại diện chính quyền địa phương ấp V là ông Võ Văn T9 chứng kiến và ký xác nhận.

Việc Văn phòng Công chứng M soạn và công chứng di chúc ngày 13 tháng 5 năm 2015 là trái quy định, vì phần đất trên cha ông chỉ là đại diện cho hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều này được thể hiện tại trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi hộ ông Lý Văn N1. Tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha ông, phần ý kiến của Hội đồng đăng ký, xét cấp quyền sử dụng đất cũng có ghi thống nhất hộ Lý Văn N1 đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó chuyển đến Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Văn N1. Việc cha mẹ ông lập di chúc định đoạt toàn bộ các thửa đất nêu trên, không có sự đồng ý của các thành viên trong hộ gia đình cũng như không có văn bản ủy quyền của các thành viên trong gia đình nhưng Văn phòng Công chứng M vẫn lập và công chứng là trái quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông và các thành viên trong hộ.

Hiện nay, bà Lý Thị M1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 49; bà Lý Thị P1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14, 17; ông Lý Trung H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 15.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc do ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2 lập ngày 13 tháng 5 năm 2015, số công chứng 645, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M vô hiệu, từ đó yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118320 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho bà Lý Thị P1 đối với thửa đất số 14 diện tích 12.523m², thửa đất số 17, diện tích 16.891m²; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118321 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho bà Lý Thị M1 đối với thửa đất số 49, diện tích 34.156m² và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118322 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho ông Lý Trung H cùng ngày 29 tháng 12 năm 2016 đối với thửa đất số 15, diện tích 14.804m² cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

Trên phần diện tích đất mà cha mẹ ông để thừa kế cho bà Lý Thị P1 thuộc thửa đất số 14 tờ bản đồ số 17 có một phần diện tích đất khoảng 3.500m² hiện ông T4 và gia đình ông T4 đang sử dụng, ông thống nhất với lời trình bày của

ông Lý Văn T4 về việc cha ông cho phần đất này cho ông T4. Ông không có tranh chấp gì và đồng ý với yêu cầu của ông T4.

Bị đơn Văn phòng Công chứng P(Văn phòng Công chứng M) do ông P đại diện trình bày:

Vào ngày 13 tháng 5 năm 2015 Văn phòng Công chứng M có công chứng di chúc của ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2. Sau khi đối chiếu, kiểm tra tính xác thực của yêu cầu công chứng cũng như xác định chủ thể tham gia đủ năng lực hành vi dân sự và tham gia giao dịch là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên tự nguyện tham gia giao dịch, xuất trình đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật và công chứng. Do đó Văn phòng Công chứng M khẳng định việc công chứng di chúc trên là hoàn toàn đúng pháp luật, phù hợp đạo đức xã hội và phải được các bên nghiêm chỉnh thực hiện.

Về nguồn gốc đất: Thửa đất ông Lý Văn N1 đứng tên có nguồn gốc là được cha mẹ ruột tặng cho, do đó đây là tài sản riêng của ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2. Khi Ông N1 được tặng cho đất ông B còn nhỏ nên không có bất cứ đóng góp nào đối với việc tạo lập tài sản này.

Về việc ông Lý Văn N1 cho rằng di chúc ngày 13 tháng 5 năm 2015 đã được ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2 hủy bỏ bằng giấy tay và có người làm chứng. Việc hủy bỏ di chúc này không đúng trình tự và không hợp lý.

Về việc nguyên đơn cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 208082 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông (bà) Lý Văn N1 nhưng chỉ có ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2 đồng ý làm di chúc để lại tài sản này là không đúng. Văn phòng Công chứng M có ý kiến như sau:

Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên chỉ ghi Lý Văn N1 và không có ghi hộ ông (bà) Lý Văn N1. Tại trang bổ sung của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không có bất cứ sự chính lý nào của cơ quan có thẩm quyền từ Lý Văn N1 thành hộ ông (bà) Lý Văn N1.

Do đó Văn phòng Công chứng M nay chuyển đổi thành Văn phòng Công chứng P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Văn phòng Công chứng M đề nghị Tòa án đưa Ủy ban nhân dân huyện T vào tham gia tố tụng để làm rõ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cho cá nhân ông Lý Văn N1 hay hộ ông (bà) Lý Văn N1 và tại sao tại Trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại ghi nhận là hộ ông (bà) Lý Văn N1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị M1 trình bày:

Bà là con thứ chín của ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2. Khi còn sống, cha mẹ bà có tạo lập được một số tài sản là quyền sử dụng các thửa đất số 14, 15, 17, 49, 52 cùng tờ bản đồ số 17, tổng diện tích 78.374m², đất tọa lạc tại xã V1, huyện T, tỉnh Long An. Cha bà đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 208082 vào ngày 24 tháng 10 năm 1996. Nguồn gốc đất là của ông bà để lại cho cha mẹ bà, khi bà sinh ra thì đã có đất rồi. Do còn nhỏ nên các anh chị em bà không có đóng góp gì trong việc tạo lập

quyền sử dụng đất này. Khi cha mẹ bà còn sống thì đất do cha mẹ bà cho thuê. Cha mẹ bà đã chia đất hết cho các anh chị em. Sau khi cha mẹ bà chết thì do ông B đứng ra cho thuê đất, các anh chị em bà không đồng ý và lúc đó đã có tranh chấp về số tiền cho thuê.

Ngày 13 tháng 5 năm 2015 cha mẹ bà có lập di chúc để lại cho bà tài sản là thửa đất số 49, tờ bản đồ số 17, diện tích 34.156m² tại xã V1, huyện T, tỉnh Long An được Văn phòng Công chứng M công chứng. Hiện nay, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về việc ông B trình bày cha mẹ bà có lập văn bản hủy di chúc thì bà hoàn toàn không biết. Cha mẹ bà lập di chúc để lại thửa đất trên cho bà là hoàn toàn hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông B bà không đồng ý, do khi còn sống cha mẹ bà có ý nguyện để lại phần đất này cho bà, bà Lý Thị P1 và cháu là Lý Trung H. Đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của ông T4 thì bà có ý kiến là chiều dài đất thì bà đồng ý như hiện trạng đất của ông T4 hiện đang sử dụng, tuy nhiên bà yêu cầu để lại đường đi có chiều ngang 5m hướng Nam chạy dọc theo đất của ông T4; phần còn lại thì bà đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị P1 trình bày:

Bà là con thứ tám của ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2. Bà thống nhất với lời trình bày bà M1 về nguồn gốc, quá trình sử dụng, và công sức đóng góp trên đất.

Ngày 13 tháng 5 năm 2015 cha mẹ bà có lập di chúc để lại cho bà, bà P1 và ông H tài sản là quyền sử dụng đất, di chúc được Văn phòng Công chứng M công chứng. Trong đó, bà được thừa kế thửa đất số 14 diện tích 12.523m² và thửa đất số 17 cùng tờ bản đồ số 17 diện tích 16.891m² tại xã V1, huyện T, tỉnh Long An. Hiện nay, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa đất trên. Ông B trình bày cha mẹ bà có lập văn bản hủy di chúc thì bà không được biết. Bà được cha mẹ lập di chúc để lại các thửa đất trên là hoàn toàn hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Do đó, bà cũng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Khi còn sống cha bà có cho chú của bà là ông Lý Văn T4 một phần thửa đất số 14 tờ bản đồ số 17 diện tích khoảng 3.500m², ông T4 đã xây dựng nhà và sử dụng đất từ trước đến nay. Bà vẫn giữ nguyên ý nguyện của cha bà là để ông T4 tiếp tục quản lý sử dụng, do bà được cấp quyền sử dụng thửa đất số 14 nên bà và ông T4 đã lên phòng công chứng lập văn bản thỏa thuận về vấn đề này. Đối với phần đất này bà không có tranh chấp gì, bà đồng ý với yêu cầu của ông T4. Tuy nhiên bà thống nhất với ý kiến của bà M1 là đồng ý để cho ông T4 sử dụng theo chiều dài đất như hiện trạng đất của ông T4 hiện đang sử dụng, nhưng bà yêu cầu để lại đường đi ngang 5m hướng Nam chạy dọc theo đất của ông T4.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Trung H đồng thời ông H đại diện cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Dương Thị L3, Lý Thị Ngọc Đ, Lý Thị Bích H2, Lý Thị Mai T5, Lý Minh Đ1, Lý Thị Bé T6 trình bày:

Ông cùng các chị em của ông mà ông là đại diện là con của ông Lý Văn D1 là cháu của ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2. Ông thống nhất với lời trình bày bà P1, bà M1 về nguồn gốc, quá trình sử dụng, và công sức đóng góp trên đất.

Ngày 13 tháng 5 năm 2015 ông bà nội ông có lập di chúc để lại cho ông quyền sử dụng thửa đất số 15, tờ bản đồ số 17, diện tích 14.804m² tại xã V1, huyện T, tỉnh Long An; di chúc được Văn phòng Công chứng M công chứng. Hiện nay, ông đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên. Ông B trình bày ông bà nội ông có lập văn bản hủy di chúc thì ông không biết. Ông được ông bà nội lập di chúc để lại các thửa đất trên và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị P2 trình bày:

Bà là con thứ mười của ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2. Khi còn sống, cha mẹ bà có tạo lập được một số tài sản là quyền sử dụng đất thửa 17, 14, 15, 49, 52 tờ bản đồ số 17, tổng diện tích 78.374m² tại xã V1, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 208082 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 24 tháng 10 năm 1996 cho cha bà là ông Lý Văn N1. Nguồn gốc đất là của ông bà để lại cho cha mẹ bà. Khi bà sinh ra đã có đất rồi, do còn nhỏ nên các anh chị em bà không có đóng góp gì trong việc tạo lập quyền sử dụng đất này. Khi cha mẹ lập di chúc cho ông H, bà M1, bà P1 bà không biết, cũng không nghe nói. Ngày 21 tháng 5 năm 2015 cha bà lập văn bản hủy bỏ di chúc ngày 13 tháng 5 năm 2015, không để lại tài sản cho ông H, bà M1, bà P1. Khi đó mẹ bà có mặt nhưng không ký tên, bà có ký tên là người làm chứng trong giấy hủy di chúc. Theo bà thì cha mẹ bà không có ý định để lại tài sản cho ông H, bà M1, bà P1 mà dự định sẽ để lại các thửa đất đang tranh chấp cho ông B sử dụng để thờ cúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn T3 trình bày:

Ông là con của ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2. Trên thửa đất số 14 tờ bản đồ số 17 mà bà P1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông có sử dụng một phần. Tuy nhiên, ông Lý Văn B đã yêu cầu vô hiệu di chúc và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà P1, bà M1, ông H nên ông đồng ý để ông B đứng ra khởi kiện, ông không có yêu cầu trong vụ án này.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 4 năm 2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Mỹ L, ông Lý Văn T2 trình bày:

Bà Mỹ L là con thứ hai của Ông N1 bà Đ2, ông T2 là con thứ tư của ông N1 bà Đ2, cha mẹ bà L ông T2 có tạo dựng một số tài sản là quyền sử dụng đất, các tài sản này cha mẹ sử dụng và có trước khi ông bà được sinh ra, theo bà L ông T2 đây là tài sản của cha mẹ các con không có công sức gì trong việc tạo lập tài sản. Khi cha mẹ còn sống thì cha mẹ trực tiếp sử dụng đất cho thuê, khi cha mẹ qua đời thì ông B là người cho thuê. Cha mẹ ông bà có chia đất cho các anh chị em, việc cha mẹ cho tài sản cho ai là quyền của họ, ông bà không có ý kiến

gì. Khi cha mẹ ông bà lập di chúc để tài sản cho bà M1bà P1ông H thì bà L ông T2c ó nghe cha mẹ nói, còn việc hủy bỏ di chúc thì ông bà không nghe. Ông bà không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Trong các biên bản ngày 25 tháng 4 năm 2017, ngày 04 tháng 5 năm 2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L3 trình bày:

Bà là vợ của Lý Văn D1, ông D1chết năm 2007, vợ chồng bà có tất cả 6 người con, hiện nay bà đang sống trên đất của Ông N1bà Đ2, phần diện tích đất vợ chồng bà được cho không có liên quan đến phần diện tích đất các bên tranh chấp và hiện bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không có mâu thuẫn gì với các anh chị em bên gia đình nhà chồng.

Việc cha mẹ chồng bà lập di chúc để tài sản cho bà P1, bà M1và ông H thì bà không biết. Theo bà thì cha mẹ cho ai thì người đó được hưởng, bà không có tranh chấp hay có ý kiến gì. Nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng, các con không có công lao gì trong việc tạo lập tài sản, đây không phải là tài sản của hộ gia đình. Bà không có ý kiến gì trong việc tranh chấp giữa các bên.

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lý Văn T4 cũng như người đại diện hợp pháp của ông T4 bà Lý Thị Kim L2 trình bày:

Ông T4 là em của ông Lý Văn N1. Khoảng năm 1978-1979, Ông N1có cho ông T4 một phần diện tích đất khoảng 3.500m² để cất nhà ở. Khi cho không lập giấy tờ gì chỉ nói miệng. Từ khi được cho đất đến nay, ông T4 đã trực tiếp quản lý sử dụng xây nhà và trồng cây trên đất. Các con của ông N1đều biết việc này và không có tranh chấp gì. Tuy nhiên khi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T4 chỉ được cấp quyền sử dụng đất diện tích 418m² tại hai thửa là 900 và thửa số 9, còn một phần diện tích đất ông T4 cùng gia đình sử dụng thuộc một phần thửa số 14 thì ông T4 không được cấp mà ông N1được cấp quyền sử dụng. Khi ông N1bà Đ2 lập di chúc để lại đất cho các con ông T4 không biết, cũng không nghe thông tin về việc này. Khi phát sinh tranh chấp ông T4 và bà P1có lập thỏa thuận, nếu Tòa án giải quyết bác đơn khởi kiện của ông B, thửa đất số 14 thuộc quyền sử dụng của bà P1thì bà P1sẽ tách quyền sử dụng phần đất ông T4 đang sử dụng cho ông T4, tuy nhiên do các bên không thỏa thuận được diện tích đất gia đình ông T4 được sử dụng nên ông T4 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần di chúc lập ngày 13 tháng 5 năm 2015 của ông Lý Văn N1và bà Võ Thị Đ2, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118320 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho bà Lý Thị P1 ngày 29 tháng 12 năm 2016 đối với một phần thửa đất số 14 tờ bản đồ số 17 tại xã V1, huyện T, tỉnh Long An đối với phần đất ông T4 đang sử dụng. Ông T4 yêu cầu được tiếp tục sử dụng, được kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 14 tờ bản đồ số 17. Theo mảnh trích đo địa chính số 114-2018 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T, ông T4 yêu cầu tiếp tục sử dụng và kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện

tích đất ông T4 đang sử dụng, hiện ông sử dụng một phần thửa số 14 được thể hiện tại vị trí A, B diện tích 3.587m², thửa số 900 diện tích 322m², thửa số 9 diện tích 96m².

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Hoàng L1 do bà Lý Thị Kim L2 đại diện trình bày:

Bà L2 là con thứ hai của ông Lý Văn T4, hiện đang sống cùng nhà với ông T4 trên phần đất tranh chấp. Trong vụ án này bà L2 đồng ý để ông T4 đứng ra khởi kiện, bản thân bà không có tranh chấp gì. Còn ông Lý Hoàng L1 là con thứ năm của ông T4, ông L1 có cất một căn nhà tạm trên đất khoảng 12 năm. Ông L1 đồng ý để ông T4 đại diện đứng tên toàn bộ phần đất này. Sau khi giải quyết xong vụ án này thì ông L1 và ông T4 sẽ tự thỏa thuận với nhau sau.

Đối với tờ cam kết ngày 01 tháng 12 năm 2016 thì do bà Lý Thị P1 soạn thảo và yêu cầu bà cùng lên Văn phòng Công chứng T, sau khi công chứng thì bà P1 đưa cho bà bản chính tờ cam kết để giữ.

Trong văn bản số 09/VPĐKĐĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 và văn bản số 93/VPĐKĐĐ-TCD ngày 19 tháng 9 năm 2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L4 do ông Nguyễn Hữu G đại diện trình bày:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118321, CG 118320, CG 118322 trên cơ sở Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T tiếp nhận hồ sơ thừa kế theo di chúc của bà Lý Thị M1, Lý Thị P1 và Lý Trung H, người để lại di chúc là ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2. Văn bản khai nhận di sản thừa kế được Văn phòng Công chứng M công chứng. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24 tháng 10 năm 1996 cũng như việc trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lý Văn N1 để xác định quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình hay cấp cho cá nhân thì Sở Tài nguyên và Môi trường cũng như Văn phòng đăng ký đất đai có ý kiến như sau: Vào thời điểm trước đây, việc viết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần mềm chuyên dùng của ngành Tài nguyên và Môi trường đã mặc định tên chủ sử dụng đất là “Hộ (Ông) Bà...” nên việc xác định cấp cho Hộ (do đại diện Hộ gia đình thay mặt cho các thành viên để đăng ký) hay cá nhân phụ thuộc vào tên chủ sử dụng đất trong đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được lưu trữ theo cấp huyện nơi có đất, vì vậy việc xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Hộ gia đình hay cấp cho cá nhân sử dụng đất phụ thuộc vào việc xác định thông tin chủ sử dụng đất trong đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được lưu giữ tại cấp huyện nơi có đất. Trường hợp không tìm được hồ sơ thì xác định theo biên bản họp thành viên trong Hộ gia đình thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc xác định thành viên trong Hộ gia đình thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

dất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản lý hộ khẩu của chủ sử dụng đất.

Theo quy định tại Quyết định số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 và Quyết định số 08/2006/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì trang bổ sung được lập kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bộ phận không tách rời giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không thay thế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho người sử dụng đất; phần đầu của trang bổ sung ghi lại thông tin về số thửa đất, số tờ bản đồ, số giấy chứng nhận, số vào sổ cấp giấy, ... có ý nghĩa xác định gốc của giấy chứng nhận; những thay đổi được ghi trong phần “Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý”, chữ ký, đóng dấu của cơ quan và người có thẩm quyền xác nhận việc thay đổi. Do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 không lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc lập trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Văn N1 nên không có cơ sở trả lời cho Tòa án về việc bổ sung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân hay cho hộ gia đình.

Trong văn bản số 596/UBND-NC ngày 21 tháng 6 năm 2017 và văn bản số 147/UBND-NC ngày 12 tháng 02 năm 2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Ngày 24 tháng 10 năm 1996 ông Lý Văn N1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 208082, số vào sổ 1024 tổng diện tích 146.288m² gồm các thửa đất số 17, 14, 15, 49, 52 tờ bản đồ số 17 mục đích sử dụng đất rừng sản xuất (RSX), vị trí khu đất xã V1 huyện T tỉnh Long An. Theo ý kiến xét duyệt của Hội đồng ĐKXCGCN xã Vĩnh Đại, Ủy ban nhân dân huyện T xác định việc cấp giấy chứng nhận nêu trên là cấp cho hộ gia đình. Tuy nhiên, sau khi xem xét lại nội dung công văn, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành kiểm tra, rà soát và đối chiếu hồ sơ địa chính có liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện T xác định lại như sau: Ngày 06 tháng 12 năm 1995 ông N1 có gửi đơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nguồn gốc đất do ông cha để lại năm 1940, được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Đại xác nhận. Trên cơ sở đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 24 tháng 10 năm 1996 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 960/QĐ.UB.96, theo đó Ủy ban huyện quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 150 cá nhân, trong đó có ông Lý Văn N1. Từ đó có cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện T xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cho cá nhân ông Lý Văn N1.

Đối với nội dung tranh chấp giữa các bên thì Ủy ban nhân dân huyện T không có ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn B yêu cầu tuyên bố toàn bộ di chúc do ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2 lập ngày 13 tháng 5 năm 2015, số công chứng 645, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M vô hiệu.

Bác yêu cầu của ông Lý Văn B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118320 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho bà Lý Thị P1 đối với thửa đất số 14 diện tích 12.523m², thửa đất số 17, diện tích 16.891m²; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118321 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho bà Lý Thị M1 đối với thửa đất số 49, diện tích 34.156m² và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118322 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho ông Lý Trung H cùng ngày 29 tháng 12 năm 2016 đối với thửa đất số 15, diện tích 14.804m² cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T4 đối với bà Lý Thị P1.

Vô hiệu một phần di chúc do ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2 lập ngày 13 tháng 5 năm 2015, số công chứng 645, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M để quyền sử dụng đất thửa số 14 cho bà Lý Thị P1 đối với diện tích đất 3.157m² tại vị trí A, B và F trong mảnh trích đo địa chính số 88-2019 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118320 ngày 29 tháng 12 năm 2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho bà Lý Thị P1 một phần thửa đất số 14 diện tích 3.157m² tại vị trí A, B và F trong mảnh trích đo địa chính số 88-2019 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T.

Ông Lý Văn T4 được tiếp tục sử dụng 3.157m² đất và được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Theo mảnh trích đo địa chính số 88-2019 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T thì diện tích đất ông T4 được sử dụng tại khu A, B và F có vị trí tiếp giáp như sau:

Đông giáp một phần thửa số 14 dài 5m, 13.3m, 25.9m;

Tây giáp đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý dài 5m, 16m, 26m;

Nam giáp phần đất trống dài 85.9m;

Bắc giáp khu H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/9/2019 ông Lý Văn T3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo và ngày 30/9/2019, ông Lý Văn B là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng tuyên bố di chúc do cha mẹ lập ngày 13/5/2015 vô hiệu, hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lý Thị P1, Lý Thị M1 và Lý Trung H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn T3 và ông Lý Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Quyền sử dụng đất 78.374m² do ông Lý Văn N1 đứng tên. Vào ngày 13 tháng 5 năm 2015 ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2 lập di chúc để thừa kế các thửa đất số 17, 14, 15 và 49 cùng tờ bản đồ số 17 với tổng diện tích là 78.374m² cho hai con là Lý Thị M1, Lý Thị P1 và cháu nội là Lý Trung H. Bà Lý Thị M1, bà Lý Thị P1 và ông Lý Trung H đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N1. Ông N1, bà Đ2 lập di chúc cho bà Lý Thị M1, bà Lý Thị P1 và ông Lý Trung H là đúng quy định pháp luật.

Ông Lý Văn B có xuất trình một văn bản là “Giấy hủy di chúc” của ông Lý Văn N1 ngày 21 tháng 5 năm 2015 với tên người viết hộ là ông Lý Văn T8, với hai người làm chứng là bà Lý Thị P2 và bà Phan Thị L5, người xác nhận là ông Võ Văn T9i. Theo kết luận giám định số 336/2017/KLGD ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An thì chữ viết N1 trên tờ giấy hủy do chúc và chữ ký N1 trong bản di chúc không phải do cùng một người ký ra.

Nguyên đơn cho rằng lập di chúc không có sự đồng ý của các thành viên trong gia đình là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Riêng phần đất cho bà P1, ông N1 có tặng cho ông T4 một phần quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở, tuy nhiên diện tích đất thì không xác định được, các bên đều trình bày diện tích khoảng 3.500m², sau khi tiến hành đo đạc, toàn bộ diện tích đất ông T4 cùng gia đình đang sử dụng được xác định là 4.005m², trong đó ông T4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại hai thửa 900 và 9 với diện tích 418m², còn lại 3.587m² thuộc một phần thửa đất số 14 thì hiện bà P1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong giấy cam kết ngày 01 tháng 12 năm 2016 bà P1 là người đứng tên quyền sử dụng đất đồng ý để quyền sử dụng đất với diện tích là 3.621m² (51 x 71) nhưng các bên cũng chỉ ước lệ diện tích đất này mà không tiến hành đo đạc và bà P1 cũng như người đại diện

hợp pháp của ông T4 không xác định được căn cứ cho số liệu này. Bà P1 cũng đồng ý hủy một phần di chúc, một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho ông T4 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất ông T4 đang sử dụng nhưng phải để lại lối đi có chiều ngang 5m vào phần còn lại thửa 14. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T4 là có căn cứ.

Kháng cáo của ông B và ông T3 không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Lý Văn T3 và ông Lý Văn B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Vào ngày 13 tháng 5 năm 2015 ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2 lập di chúc để thừa kế các thửa đất số 17, 14, 15 và 49 cùng tờ bản đồ số 17 với tổng diện tích là 78.374m² cho hai con là Lý Thị M1, Lý Thị P1 và cháu nội là Lý Trung H. Vào thời điểm lập di chúc thì ông N1 và bà Đ2 với tình trạng tâm thần hoàn toàn bình thường được thể hiện theo Biên bản giám định chuyên khoa tâm thần số 252/GĐYK và 253/GĐYK cùng ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Long An. Văn bản di chúc này được Công chứng viên Nguyễn Văn C1 của Văn phòng Công chứng M công chứng theo đúng quy định của Luật Công chứng. Như vậy di chúc được lập thỏa mãn điều kiện về hình thức được quy định tại Điều 657, 658 Bộ luật Dân sự năm 2005 là văn bản có hiệu lực vào thời điểm lập di chúc. Di chúc do ông N1 và bà Đ2 lập có hiệu lực được quy định tại điểm a và c khoản 1, khoản 2 Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên đại diện cho ông Lý Văn B, ông Lý Văn T3 cho rằng quyền sử dụng đất mà ông N1 và bà Đ2 để thừa kế cho bà M1, bà P1, ông H là tài sản chung của hộ gia đình và có dấu hiệu lừa dối nên vô hiệu là không đúng.

[2.2] Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 208082 ngày 24 tháng 10 năm 1996 thì quyền sử dụng đất được cấp cho ông Lý Văn N1, tuy nhiên trong trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại ghi là hộ ông (bà) Lý Văn N1. Các đương sự đều trình bày thống nhất, toàn bộ quyền sử dụng đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có nguồn gốc từ ông bà để lại cho ông N1 và bà Đ2, các con của ông N1 và bà Đ2 hoàn toàn không có công sức gì trong việc tạo lập khối tài sản. Theo Điều 116 của Bộ luật Dân sự năm 1995 thì hộ gia đình phải bao gồm các thành viên có tài sản chung để hoạt động kinh tế chung trong quan hệ sử dụng đất, trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và trong một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định, trong khi đó quyền sử dụng đất không phải là tài sản chung của ông N1 và bà Đ2 và các con mà chỉ là tài sản chung của ông N1 và bà Đ2 theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959. Điều này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện T, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, của Sở

Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4, Văn phòng đăng ký đai tỉnh L4 xác nhận theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông Lý Văn N1 thì quyền sử dụng đất này là cấp cho ông N1 chính là tài sản chung của vợ chồng không phải là tài sản chung của hộ gia đình nên ông N1 bà Đ2 hoàn toàn có quyền lập di chúc định đoạt tài sản của mình. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tuyên bố toàn bộ văn bản công chứng là di chúc vô hiệu là có căn cứ.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lý Văn N1 ngày 24/10/1996. Trước khi lập Di chúc, từ năm 2009 đến năm 2011 Ông N1 đã thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh C2, bà Lý Thị M1, bà Lý Thị Bích H2, diện tích còn lại là 78.374 m². Các đương sự đã không khiếu nại tranh chấp gì về việc Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho ông N1 và việc ông N1 đã thực hiện việc chuyển nhượng trên.

Hơn nữa, các đương sự đều thừa nhận cha mẹ đã chia đất cho các con trước khi lập di chúc.

Kháng cáo của ông B và ông T3 yêu cầu tuyên bố toàn bộ di chúc do ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2 lập ngày 13/5/2015 vô hiệu không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lý Văn B có xuất trình một văn bản là “Giấy hủy di chúc” của ông Lý Văn N1 ngày 21 tháng 5 năm 2015 với tên người viết hộ là ông Lý Văn T8, với hai người làm chứng là bà Lý Thị P2 và bà Phan Thị L5, người xác nhận là ông Võ Văn T9, đây là văn bản hủy bỏ di chúc theo quy định tại Điều 662 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của ông N1 trong văn bản hủy bỏ di chúc này. Theo kết luận giám định số 336/2017/KLGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An thì chữ viết N1 trên tờ giấy hủy di chúc và chữ ký N1 trong bản di chúc không phải do cùng một người ký ra.

[2.4] Xem xét quá trình sử dụng đất thấy rằng: Trong đơn khởi kiện ông B trình bày toàn bộ quyền sử dụng đất ông B sử dụng, tuy nhiên trong biên bản hòa giải ngày 06 tháng 6 năm 2019 và tại phiên tòa ông B cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều trình bày cho rằng toàn bộ quyền sử dụng đất trong di chúc do ông N1 bà Đ2 cùng sử dụng khi họ còn sống bằng hình thức cho thuê, sau khi ông N1 bà Đ2 qua đời thì ông B ông T3 mới sử dụng, ông B cho thuê một phần quyền sử dụng đất, đến nay không còn cho thuê nữa do các bên tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn B hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho bà M1, bà P1 và ông H đối với các thửa đất số 17, 14, 15 và 49 cùng tờ bản đồ số 17 là có căn cứ.

[2.5] [Trong vụ kiện này, ông Lý Văn T3 không có yêu cầu độc lập và không có yêu cầu xem xét công sức của ông và ông B cũng không có yêu cầu xem xét công sức nên Tòa án cấp sơ thẩm không có giải quyết. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông T3 về việc có công sức đóng góp làm tăng giá trị phần đất từ

trồng tràm sang trồng lúa và có đầu tư đào ao nuôi cá diện tích 12.523 m² thuộc thửa 14 và một phần của thửa 15, tờ bản đồ số 17, cũng như đại diện của ông B yêu cầu xem xét công sức đóng góp làm tăng giá trị phân đất từ trồng tràm sang trồng lúa, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.6] Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

[2.7] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T1 có ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2017/QĐ-BPKCTT ngày 21/02/2017 về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.

Do yêu cầu của ông B không được chấp nhận nên việc duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2017/QĐ-BPKCTT ngày 21/02/2017 về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp phải bị hủy bỏ. Ông B được nhận lại số tiền đã đảm bảo.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Văn B và ông Lý Văn T3. Ông Lý Văn B là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm về án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của ông B và ông T3 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông B và ông T3 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 38, 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 31, 32 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 122, 657, 658 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Văn B và ông Lý Văn T3; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân tỉnh Long An về án phí, cụ thể như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn B yêu cầu tuyên bố toàn bộ di chúc do ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2 lập ngày 13 tháng 5 năm 2015, số công chứng 645, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M vô hiệu.

Bác yêu cầu của ông Lý Văn B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118320 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho bà Lý Thị P1 đối với thửa đất số 14 diện tích 12.523m², thửa đất số 17, diện tích 16.891m²; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118321 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho bà Lý Thị M1 đối với thửa đất số 49, diện tích 34.156m² và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118322 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho ông Lý Trung H cùng ngày 29 tháng 12 năm 2016 đối với thửa đất số 15, diện tích 14.804m² cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã V1, huyện T, tỉnh Long An.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T4 đối với bà Lý Thị P1.

Vô hiệu một phần di chúc do ông Lý Văn N1 và bà Võ Thị Đ2 lập ngày 13 tháng 5 năm 2015, số công chứng 645, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M để quyền sử dụng đất thửa số 14 cho bà Lý Thị P1 đối với diện tích đất 3.157m² tại vị trí A, B và F trong mảnh trích đo địa chính số 88-2019 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 118320 ngày 29 tháng 12 năm 2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L4 cấp cho bà Lý Thị P1 một phần thửa đất số 14 diện tích 3.157m² tại vị trí A, B và F trong mảnh trích đo địa chính số 88-2019 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T.

Ông Lý Văn T4 được tiếp tục sử dụng 3.157m² đất và được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Theo mảnh trích đo địa chính số 88-2019 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T thì diện tích đất ông T4 được sử dụng tại khu A, B và F có vị trí tiếp giáp như sau:

Đông giáp một phần thửa số 14 dài 5m, 13.3m, 25.9m;

Tây giáp đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý dài 5m, 16m, 26m;

Nam giáp phần đất trống dài 85.9m;

Bắc giáp khu H.

3. Về chi phí đo đạc, định giá, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí giám định:

Ông Lý Văn B phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền này ông B đã nộp và chi phí xong.

Ông Lý Văn T4 và bà Lý Thị P1 mỗi người phải chịu 6.000.000đồng chi phí đo đạc, định giá, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Toàn bộ số tiền này ông T4 đã nộp tạm ứng. Bà P1 nộp để hoàn trả lại cho ông T4 6.000.000đồng.

Ông Lý Văn B phải chịu 2.250.000đồng chi phí giám định, số tiền này bà M1 đã nộp tạm ứng. Ông B nộp để hoàn trả lại cho bà M1.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý Văn B được miễn án phí.

Hoàn tạm nộp án phí số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo các biên lai thu số 0001178 ngày 04/01/2017 và số 0001209 ngày 13/01/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T1 cho ông Lý Văn B.

Bà Lý Thị P1 chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí cho ông Lý Văn T4.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Văn B và Lý Văn T3 được miễn án phí.

6. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2017/QĐ-BPKCTT ngày 21/02/2017 về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Long An

Ông B được nhận lại số tiền đã đảm bảo theo giấy yêu cầu phong tỏa tài khoản ngày 21/02/2017 với số tiền phong tỏa là 40.000.000 đồng tại Phòng giao dịch khách hàng cá nhân, chi nhánh Long An, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đường sự;
- Lưu (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương